

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 20-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Thanh Tùng;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngự,

Bà Đỗ Thanh Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên toà: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST - DS, ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân A.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lôi Đình Q – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị N- Ủy viên hội đồng quản trị , Giám đốc điều hành.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị Ánh N1

Địa chỉ: xóm L, xã Đ1, huyện P, tỉnh T.

(Có mặt bà N, vắng mặt anh T1, chị N1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bà Nông Thị N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quỹ tín dụng A và anh Nguyễn Quang T1 và vợ chị Nguyễn Thị Ánh N1 đã ký hợp đồng tín dụng số: 7433/HĐTD, với thỏa thuận, Quỹ tín dụng nhân dân huyện Phú Lương cho anh T1 và chị N1 vay số tiền: 30.000.000đ, Mục đích chăn nuôi gà; Thời gian vay: 12 tháng; Lãi suất 1,1%/tháng, bằng 13,2%/năm (một năm tính là 365 ngày). Lãi xuất quá hạn là 150% lãi xuất cho vay trong hạn. Phương thức trả lãi 3 tháng/kỳ, trả nợ gốc khi đến hạn. Nhưng từ khi nhận tiền vay ngày 30/12/2019 đến hạn thanh toán và đến nay, anh T1 và chị N1 mới trả được cho Quỹ tín dụng A nợ gốc là 9.500.000đ vào các ngày 22/4/2021 trả 500.000đ; ngày 20/01/2022 trả 2.000.000đ; ngày 20/4/2022 trả 2.000.000đ và ngày 17/4/2023 sau khi Quỹ tín dụng đã khởi kiện trả 5.000.000đ và trả lãi đến ngày 30/9/2020 là 2.987.700đ vào các ngày 30/3/2020 trả 987.300đ, ngày 30/9/2020 trả 1.996.300đ. Khoản nợ của anh T1, chị N1 đã quá hạn thanh toán rất nhiều lần Quỹ tín dụng A nhắc nợ trực tiếp và ra thông báo nhắc nợ bằng văn bản nhưng anh T1, chị N1 vẫn không có thiện chí đến trả nợ cho Quỹ. Tính đến ngày 20/7/2023, anh T1 và chị N1 còn nợ Quỹ tín dụng A với tổng số tiền là 35.008.800đ, trong đó tiền gốc là 20.500.000đ và lãi là 14.508.800đ, làm ảnh hưởng đến kế hoạch hoạt động của Quỹ. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Quỹ tín dụng A xét thấy anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 vẫn không có thiện chí để hoàn trả số tiền gốc còn nợ và lãi cho Quỹ tín dụng A. Do đó, tại phiên tòa Quỹ tín dụng A vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng A tổng số tiền cả gốc và lãi là 35.008.800 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 20.500.000 đồng và tiền lãi là 14.508.800đ (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2023). Người đại diện theo ủy quyền cho Quỹ tín dụng A yêu cầu anh T1, chị N1 phải chịu lãi suất quá hạn tương ứng với số tiền gốc chậm trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 đều vắng mặt lần thứ 2 không lý do chính đáng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng A và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án vẫn tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 cố tình vắng mặt, trốn tránh không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án. Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các loại giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T1 và chị N1 vẫn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các loại văn bản tố tụng theo quy định tại nơi cư trú, trụ sở Ủy ban nhân dân xã Động Đạt và tại trụ sở Tòa án để cho anh

T1, chị N1 biết nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất và ra Quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 27/6/2023, đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 20/7/2023. Sau đó đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương cho anh Nguyễn Quang T1, chị Nguyễn Thị Ánh N1 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T1, chị N1 vẫn không có mặt. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn không có ý kiến rút, bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo toàn bộ nội dung như đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn luôn vắng mặt không có ý kiến phản bác hay phản đối. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 trả cho Quỹ tín dụng A số tiền là 35.008.800 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 20.500.000 đồng và tiền lãi là 14.508.800đ theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc anh T1, chị N1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị N1 là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xóm L, xã, huyện P, tỉnh T; Nguyên đơn Quỹ tín dụng A là cơ quan, tổ chức xã hội Nhà nước, bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” và

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Nông Thị N có cơ sở và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Hợp đồng tín dụng số: 7433/HĐTD ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, xác định anh T1, chị N1 còn nợ Quỹ tín dụng A với số tiền gốc còn nợ là 20.500.000 đồng và tiền lãi là 14.508.800 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2023).

Tuy anh T1 và chị N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ Hồ sơ vay vốn của anh T1, chị N1 trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh Nguyễn Quang T1, cùng vợ là chị Nguyễn Thị Ánh N1 có vay của Quỹ tín dụng A với số tiền là 30.000.000đ, đã thực hiện trả được 9.500.000đ nợ gốc và 2.987.700đ tiền lãi. Thời gian chưa trả lãi như trình bày của đại diện cho nguyên đơn là đúng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 30 tháng 12 năm 2019, anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 có vay của Quỹ tín dụng A số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 7433 ngày 30 tháng 12 năm 2019. Với thỏa thuận, Quỹ tín dụng nhân dân huyện Phú Lương cho anh T1, chị N1 vay số tiền: 30.000 000đ (Mục đích: chăn nuôi gà; Thời gian vay: 12 tháng; Lãi suất 1,1%/tháng, bằng 13,2%/năm (một năm tính là 365 ngày). Hình thức vay: Tín chấp. Phương thức trả lãi 3 tháng/kỳ, trả nợ gốc khi đến hạn. Nhưng từ khi nhận tiền vay ngày 30/12/2019 đến nay, anh T1, chị N1 mới trả được nợ gốc là 9.500.000đ vào các ngày 22/4/2021 trả 500.000đ; ngày 20/01/2022 trả 2.000.000đ; ngày 20/4/2022 trả 2.000.000đ và ngày 17/4/2023 sau khi Quỹ tín dụng đã khởi kiện trả 5.000.000đ và trả lãi đến ngày 30/9/2020 là 2.987.700đ. Từ kỳ trả nợ ngày 17/4/2023 anh T1, chị N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và từ 30/9/2020 anh T1, chị N1 chưa trả lãi cho Quỹ tín dụng A.

Hợp đồng tín dụng do anh T1 và chị N1 đứng tên vay dùng vào mục đích chăn nuôi gà phát triển kinh tế gia đình nên anh T1 và chị N1 phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay đã hết thời hạn của hợp đồng tín dụng nhưng anh T1, chị N1 vẫn chưa trả số tiền vốn gốc còn nợ của Hợp đồng tín dụng nên buộc anh T1 và chị N1 phải trả số tiền vốn gốc còn lại 20.500.000 đồng cho Quỹ tín dụng A.

[3] Đối với lãi suất: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 7433, ngày 30 tháng 12 năm 2019 anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 vay Quỹ tín dụng A với số tiền 30.000.000 đồng, mức lãi suất 1,1 %/tháng, bằng 13,2%/năm (một năm tính là 365 ngày) . Theo quy định của khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng thì Ngân hàng và khách hàng có quyền thỏa thuận về

lãi suất theo quy định của pháp luật, anh T1, chị N1 đã chấp nhận thỏa thuận và ký tên vào Hợp đồng tín dụng nên phải chịu lãi suất theo các mức như nêu trong Hợp đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả”. Ngoài ra, theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nếu anh T1, chị N1 chậm thanh toán khi Hợp đồng đến hạn thì phải trả lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tại phiên tòa hôm nay Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất trong hạn và lãi xuất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số: 7433 ngày 30 tháng 12 năm 2019 với mức lãi suất 1,1%/tháng, bằng 13,2%/năm (một năm tính là 365 ngày), lãi xuất quá hạn là 19,8%/năm tính từ thời điểm anh T1 chị N1 không tiếp tục trả lãi khoản vay từ ngày 30/9/2020 (ngày anh T1, chị N1 trả lãi cuối cùng) cho đến ngày xét xử 20/7/2023 tương ứng với số tiền gốc chậm trả theo từng thời điểm đã thanh toán cụ thể:

Từ ngày 30/9/2020 đến ngày 13/01/2021 là 106 ngày dư nợ gốc là 30.000.000đ Quỹ tín dụng tính lãi xuất trong hạn 13,2%/năm = 1.150.000đ (lẽ ra anh T1, chị N1 phải chịu lãi xuất quá hạn từ ngày 01/01/2021 nhưng đến ngày 13/01/2021 Quỹ tín dụng A mới chuyển khoản nợ của anh T1, chị N1 sang nợ quá hạn nên tính lãi trong hạn đến ngày 13/01/2021); Từ ngày 14/01/2021 đến ngày 21/4/2021 là 98 ngày, dư nợ gốc là 30.000.000đ chịu lãi xuất quá hạn 19,8%/năm = 1.594.800đ; Từ ngày 22/4/2021 đến ngày 19/01/2022 là 273 ngày dư nợ gốc là 29.500.000đ chịu lãi xuất quá hạn 19,8%/năm = 4.368.700đ; từ ngày 20/01/2022 đến ngày 19/4/2022 là 90 ngày dư nợ gốc là 27.500.000đ chịu lãi xuất quá hạn 19,8%/năm = 1.342.600đ; Từ ngày 20/4/2022 đến ngày 16/4/2023 là 362 ngày dư nợ gốc là 25.500.000đ chịu lãi xuất quá hạn 19,8%/năm = 5.007.500đ; Từ ngày 17/4/2023 đến ngày 20/7/2023 là 94 ngày dư nợ gốc là 20.500.000đ chịu lãi xuất quá hạn 19,8%/năm = 1.045.300đ; Tổng số tiền lãi là 14.508.800 đồng. Do đó, buộc anh T1 và chị N1 phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng A số tiền nợ gốc còn lại là 20.500.000đ cộng với tiền lãi phải trả tính đến ngày 20/7/2023 là 14.508.800 đồng. Tổng số tiền phải trả là 35.008.800đ.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng A đối với anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân

sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kiện của Quỹ tín dụng A đối với bị đơn anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1.

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280; 463; 466; 468 và 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng A số tiền là: Tiền vay gốc còn lại: 20.500.000đ (*Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng*). Tiền lãi: 14.508.800đ (*mười bốn triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm đồng*) (Từ 30/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2023). Tổng cộng là: 35.008.800 đồng (*ba mươi năm triệu không trăm linh tám nghìn tám trăm đồng*).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2023, anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 còn phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi xuất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hồ sơ vay vốn là 150% lãi xuất khi cho vay (1,1%/tháng), cụ thể là: 19,8%/năm, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nói trên.

2. Về án phí:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng A không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 854.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương theo biên lai thu tiền số 0003543, ngày 02/12/2022;

Bị đơn anh Nguyễn Quang T1 và chị Nguyễn Thị Ánh N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.750.440đ (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quyết định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- - Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**